**Chương 13. VITAMIN VÀ CÁC CHẤT BỔ DƯỠNG**

***\* Trả lời ngắn các câu từ 13.21. đến 13.32:***

13.21. Tretinoin ở dạng bột kết tinh màu……..A………; nhạy cảm với ánh sáng. Khó tan trong………..B……….; tan nhẹ trong ethanol, aceton.

 A = B =

13.22. Hoàn thiện công thức alpha-tocoferol acetat bằng R và X:

 X =

 R =

13.23. Mục đích sử dụng chế phẩm peptid mạch ngắn và acid amin:

 A. Tái lập cân bằng N cho cơ thể khi có rối loạn

 B….............

 C….............

13.24. Bột pyridoxin hydroclorid màu trắng, không mùi,...........A..........với nhiệt. Dễ tan trong nước; tan nhẹ trong.........B.........; không tan trong ether.

 A = B =

13.25. Hoàn thiện công thức pyridoxin hydroclorid bằng nhóm thế R:

 R1 =

 R2 =

13.26. Các phương pháp c ó thể áp dụng định lượng vitamin B1:

 A. Acid-base / CH3COOH khan; HClO4 0,1M; đo điện thế.

 B…………..

 C……..........

13.27. Thiamin nitrat ở dạng bột màu trắng , mùi……..A………, Khó tan trong nước nguội; tan hơn trong………B………; tan ít trong ethanol.

 A = B =

13.28. Các phép thử định tính vitamin C:

 A. Hấp thụ UV: λ MAX ở khoảng 243nm

 B…...............

 C…...............

13.29. Hoàn thiện phản ứng acid ascorbic với iod:

Acid ascorbic + I2 → ….**Z**….. + 2HI

 **Z** =

13.30. Các phản ứng hóa học định tính glucose:

 A…............

1. Khử AgNO3/amoniac thành Ag nguyên tố.

C…............

13.31. Menadiol natri diphosphat ở dạng bột màu……A..…., mùi đặc trưng. Dễ tan trong….….B…....; không tan trong ethanol.

 A = B =

13.32. Kể các chế phẩm dược dụng của vitamin A1 :

 A. Retinol tổng hợp đậm đặc phân tán trong gelatin, nghiền thành bột.

 B…................

 C……...........